

Số: 570 /TH-TCHC

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 5 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa
- Mã chứng khoán: PSN
- Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02373.900.333 Fax: 02373.900.222
- E-mail: Ptscthanhhoa@ptsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện theo Nghị quyết số 595/NQ-TH-ĐHCD ngày 12/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/5/2023 tại đường dẫn: www.ptsc Thanh Hoa.com.vn (mục Tin cổ đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

* Tài liệu đính kèm:

- NQ số 595/NQ-TH-HĐQT;
- Quy chế Hoạt động của BKS.

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền CBTT



Nguyễn Thanh Thuận

Số: 595/NQ-TH-ĐHCĐ

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 09/4/2021;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 12/5/2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty (có báo cáo đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Giám đốc Công ty (có báo cáo đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo Kiểm tra giám sát năm 2022 và kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty (có báo cáo đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty trong Danh sách các Công ty kiểm toán theo tờ trình đính kèm của Ban kiểm soát và đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023, cụ thể như sau:

Chi tiết phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng lợi nhuận được phân phối năm 2022	Triệu đồng	56.271	46.680
1.1	Lợi nhuận được phân phối năm 2022	Triệu đồng	37.050	27.459

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
1.2	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020	Triệu đồng	19.221	19.221
2	Chia cổ tức thực hiện năm 2022 (7% vốn điều lệ)	Triệu đồng	28.000	28.000
-	Cổ tức đã tạm ứng (0% vốn điều lệ)	Triệu đồng	0	0
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 15% lợi nhuận được phân phối năm 2022	Triệu đồng	5.558	4.119
4	Quỹ đầu tư phát triển - Trích 30% lợi nhuận được phân phối năm 2022	Triệu đồng	11.115	8.238
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Triệu đồng	11.598	6.323

Chi tiết Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	400.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	42.110
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Triệu đồng	40.000
4	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	10,00%
5	Tổng lợi nhuận được phân phối	Triệu đồng	46.323
	Lợi nhuận được phân phối năm 2023	Triệu đồng	40.000
	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2022	Triệu đồng	6.323
+	Chia cổ tức 7% Vốn điều lệ	Triệu đồng	28.000
+	Quỹ khen thưởng - Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 15% lợi nhuận được phân phối năm 2023	Triệu đồng	6.000
+	Quỹ đầu tư phát triển - Trích 30% lợi nhuận được phân phối năm 2023	Triệu đồng	12.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Triệu đồng	323

Điều 6. Phê chuẩn việc chi trả cổ tức năm 2023 cụ thể như sau:

- Tỷ lệ trả cổ tức: 7%/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Tổng số tiền chi trả cổ tức cho 40.000.000 cổ phiếu: 28.000.000.000 đồng.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty: Nội dung Điều lệ đính kèm

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Nội dung Quy chế đính kèm)

Điều 9. Thông qua các vấn đề liên quan đến công tác nhân sự của HĐQT và BKS, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT PTSC Thanh Hóa đối với Ông Tô Ngọc Thụ do kết thúc nhiệm kỳ 2021 - 2023.
- Bầu Ông Trần Xuân Tài giữ chức vụ Thành viên HĐQT PTSC Thanh Hóa (kiêm nhiệm) nhiệm kỳ 2023 - 2028.
- Miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên/Trưởng Ban Kiểm soát PTSC Thanh Hóa đối với Ông Nguyễn Thành Trung theo nguyện vọng cá nhân.
- Bầu Ông Nguyễn Minh Tuấn giữ chức vụ Kiểm soát viên/Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) PTSC Thanh Hóa nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Điều 10. Thông qua thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2023.

Thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2023.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm với mức là 3.000.000 VNĐ/tháng.
- Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm với mức là 3.000.000 VNĐ/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm với mức là 2.000.000 VNĐ/tháng.

3. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Điều 11. Hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng rẽ thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

144
VG
PH
KỸ
TSC
HH
T.

MA ✓
MT

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 11;
- UBCKNN, SGDCK HN (b/cáo);
- Tổng công ty (b/cáo);
- BKS; BGĐ;
- Các phòng/xương;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ VĂN NGÀ



Thanh Hóa, ngày 12 tháng 5 năm 2023.

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021,

Để tuân thủ các quy định của Pháp luật, đồng thời bổ sung những nội dung phù hợp với thực tiễn quản trị và điều hành. Công ty đã tổ chức rà soát Quy chế hoạt động của BKS (Quy chế) hiện hành, kính trình Đại hội Cổ đông thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát: **Nội dung dự thảo Quy chế như đính kèm.**
2. Ủy quyền cho Ban Kiểm soát thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế theo các nội dung đề xuất và các nội dung khác (nếu có) trên cơ sở tuân thủ Luật doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty hiện hành và thực tiễn của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS; BGD ;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thành Trung

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

Thanh Hóa, tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt	2
CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN.....	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của BKS	2
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	3
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.....	3
Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	3
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	4
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	4
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	4
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS.....	5
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của BKS.....	6
Điều 14. Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	6
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 15. Cuộc họp của BKS.....	7
Điều 16. Biên bản họp BKS	7
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	7
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	8
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	8
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên.....	8
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	9
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	9
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	9
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	9
PHỤ LỤC: LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH KIỂM SOÁT	10

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của BKS và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của BKS được áp dụng cho BKS và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

Quy chế này sử dụng và áp dụng các thuật ngữ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các từ viết tắt sau đây:

1. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa.
2. “**ĐHĐCĐ**” là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
3. “**HDQT**” là Hội đồng quản trị Công ty.
4. “**BKS**” là Ban Kiểm soát Công ty.
5. “**GD**” là Giám đốc Công ty.
6. “**KSV**” là Kiểm soát viên Công ty.

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của BKS

BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên tối đa là (03) người (bao gồm Trưởng Ban kiểm soát). Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên tối đa (05) năm kể từ ngày được bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục

thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong (03) năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS, việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo tỷ lệ % sở hữu cổ phần quy định trong Điều lệ công ty làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, BKS và các cổ đông khác đề cử theo nguyên tắc phiếu bầu từ cao đến thấp.
 - c) Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

3. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

h) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS

1. BKS thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét số kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường BKS điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của BKS

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.

Điều 14. Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. BKS có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:



- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của BKS nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của BKS

1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.
2. BKS có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp BKS

1. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên.
 - c) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên.
 - d) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
 - e) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - g) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người điều hành doanh nghiệp khác.
 - h) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cổ đông.
 - i) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

2. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

1. Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

BKS có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 Chương và 23 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên 2023 của Công ty thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

2. Quy chế này thay thế cho Quy chế cũ có liên quan trước đây của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Trưởng BKS hoặc trên 50% tổng số Kiểm soát viên mới có giá trị./.

185
T
H
Y
T
S
C
H
C
T

PHỤ LỤC: LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH KIỂM SOÁT

Trách nhiệm	Công việc	Ghi chú
Đại hội đồng cổ đông, HĐQT	Yêu cầu kiểm soát	Bảng văn bản
BKS tham khảo HĐQT	Lập kế hoạch kiểm soát	Bảng văn bản
Đại hội đồng cổ đông	Phê duyệt	Bảng văn bản
BKS	Thông báo kiểm soát	Bảng văn bản
BKS	Thực hiện kiểm soát	
BKS, tham khảo HĐQT	Tổng hợp, lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm soát	Bảng văn bản
Đại hội đồng cổ đông	Kết quả kiểm soát	Bảng văn bản
BKS, Các đơn vị liên quan	Theo dõi thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát	
Công ty	Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị	Bảng văn bản



TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thành Trung